



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT
VIỆT NAM- CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

QUÝ 3 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		765.491.422.312	869.158.957.876
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	195.205.736.549	85.329.190.049
111	1. Tiền		164.079.541.498	55.199.190.049
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.126.195.051	30.130.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		151.189.167.974	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		155.689.167.974	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		196.202.385.009	500.033.549.082
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	188.587.330.560	337.499.078.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	8.839.309.780	2.475.636.938
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.307.991.941	164.644.033.390
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(5.642.232.000)	(5.642.232.000)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.109.984.728	1.057.032.723
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	194.610.543.296	260.537.201.308
141	1. Hàng tồn kho		194.610.543.296	260.537.201.308
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.283.589.484	23.259.017.437
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	4.558.170.840	643.935.181
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.557.720.522	7.324.372.233
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	16.167.698.122	15.290.710.023
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.405.113.461.196	1.541.062.607.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		185.000.000	135.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		185.000.000	135.000.000
220	II. Tài sản cố định		211.226.888.154	227.116.560.899
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	209.764.515.417	225.378.644.411
222	Nguyên giá		413.233.814.808	410.111.533.098
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(203.469.299.391)	(184.732.888.687)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.462.372.737	1.737.916.488
228	Nguyên giá		4.660.083.240	4.660.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.197.710.503)	(2.922.166.752)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	149.737.571	261.360.122
231	1. Nguyên giá		2.178.001.042	2.178.001.042
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.028.263.471)	(1.916.640.920)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	25.793.636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	25.793.636
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	1.166.595.381.660	1.287.378.456.185
251	1. Đầu tư vào công ty con		349.826.024.600	537.235.235.800
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		863.961.795.584	865.094.972.909
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(47.192.438.524)	(114.951.752.524)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.956.453.811	26.145.436.565
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	±6.956.453.811	26.145.436.565
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.170.604.883.508	2.410.221.565.283

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		679.736.946.896	1.141.218.217.696
310	I. Nợ ngắn hạn		665.771.832.514	1.127.526.353.314
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	94.723.569.735	210.118.567.602
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	14.427.572.373	3.649.532.171
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	610.724.727	976.534.875
314	4. Phải trả người lao động		2.819.517.000	13.908.877.499
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.355.593.003	4.934.040.817
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	63.140.656.094	273.755.361.537
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	478.451.893.517	612.231.139.126
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	7.242.306.065	7.952.299.687
330	II. Nợ dài hạn		13.965.114.382	13.691.864.382
337	1. Phải trả dài hạn khác		491.559.400	218.309.400
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	13.473.554.982	13.473.554.982
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.490.867.936.612	1.269.003.347.587
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	1.490.867.936.612	1.269.003.347.587
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.100.000.000	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		267.767.936.612	51.003.347.587
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.170.604.883.508	2.410.221.565.283

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016



Người lập
Nguyễn Phương Minh



Kế toán trưởng
Hồ Minh Sơn



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Xuân Liễu

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 3 NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
					Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	849.636.629.814	898.224.898.615	2.662.639.439.895	2.464.717.753.965
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	199.574.879	886.303.053	400.088.077	1.703.862.832
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		849.437.054.935	897.338.595.562	2.662.239.351.818	2.463.013.891.133
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	VI.3	814.930.961.702	860.627.016.209	2.513.155.404.770	2.366.246.200.815
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.506.093.233	36.711.579.353	149.083.947.048	96.767.690.318
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	71.882.820.729	22.989.716.035	164.302.295.746	88.463.654.798
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	6.815.115.457	13.270.520.172	632.681.501	33.200.823.352
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.351.973.529	6.000.400.271	19.829.543.399	18.973.837.497
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	15.688.078.179	10.485.583.870	38.136.481.546	26.678.341.691
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	19.925.578.251	17.994.277.793	50.770.721.838	48.506.593.704
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		63.960.142.075	17.950.913.553	223.846.357.909	76.845.586.369
31	12. Thu nhập khác	VI.8	770.481.529	892.182.465	987.505.995	2.760.223.718
32	13. Chi phí khác	VI.9	149.010.807	416.014.990	419.274.879	748.129.545
40	14. Lợi nhuận khác		621.470.722	476.167.475	568.231.116	2.012.094.173
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		64.581.612.797	18.427.081.028	224.414.589.025	78.857.680.542
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-	-	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		64.581.612.797	18.427.081.028	224.414.589.025	78.857.680.542

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ	
					Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		530	151	1,566	615
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		530	151	1,566	615

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Người lập
Nguyễn Phương MinhKế toán trưởng
Hồ Minh SơnTổng Giám đốc
Nguyễn Thị Xuân Liễu

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ 3 NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		224.414.589.025	78.857.680.542
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		19.851.461.306	19.342.173.867
03	Các khoản dự phòng		(67.759.314.000)	-
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ		-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(160.003.319.960)	(86.721.264.177)
06	Chi phí lãi vay	VI.5	19.829.543.399	18.973.837.497
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.332.959.770	30.452.427.729
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		145.989.579.569	335.382.576.690
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		65.926.658.012	123.086.149.229
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(321.469.157.135)	(33.327.798.307)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.725.252.905)	837.850.745
13	Tiền lãi vay đã trả		(20.422.764.333)	(19.642.207.487)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		87.287.000	265.750.000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.347.280.622)	(4.403.430.981)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(101.627.970.644)	432.651.317.618
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(8.835.733.481)	(6.044.556.722)
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(151.189.167.974)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.846.912.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		327.870.128.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		185.285.448.208	122.525.271.686
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		345.283.762.753	116.480.714.964

dlb

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

58 Nguyễn Bình Khiêm phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.701.934.968.011	1.251.752.631.870
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.835.714.213.620)	(1.863.659.137.949)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(133.779.245.609)	(611.906.506.079)
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		109.876.546.500	(62.774.473.497)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	85.329.190.049	302.909.801.505
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	195.205.736.549	240.135.328.008

TP Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016



Người lập
Nguyễn Phương Minh



Kế toán trưởng
Hồ Minh Sơn



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Xuân Liễu

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 3 NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: sản xuất dầu, mỡ động, thực vật và kinh doanh dầu mỡ động thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ⁽ⁱ⁾	Số 48/5 đường Phan Huy Ích, 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	27%	27%	27%
Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật	Số 58 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ⁽ⁱ⁾	Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.	46,56%	46,56%	46,56%

- ⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật và Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ít hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Tổng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật và Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An bị Tổng Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật và Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Số 370, Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	49%	49%	49%
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Khu Công nghiệp Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	24%	24%	24%
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	KCN Nhơn Trạch 2, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Số 889 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	17,84%	17,84%	17,84%
Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	Khu Kinh tế Nghi Sơn xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	30%	30%	30%

Tổng Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội đặt tại địa chỉ Số 8 đường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty có 313 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 343 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là lợi thế kinh doanh, công cụ dụng cụ, chi phí nạo vét duy tu cảng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí nạo vét, duy tu cảng

Chi phí nạo vét, duy tu cảng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01-02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác là chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho, cầu cảng... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc và thiết bị	05-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là nhà 16 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	208.955.759	232.625.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	163.870.585.739	54.966.564.549
Các khoản tương đương tiền	31.126.195.051	30.130.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	31.126.195.051	30.130.000.000
Cộng	195.205.736.549	85.329.190.049

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với giá gốc bằng giá trị sổ sách: 151.189.167.974 đồng

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An ⁽ⁱ⁾	349.826.024.600	-	493.284.957.000	537.235.235.800	(67.759.314.000)	376.548.187.800
Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật ⁽ⁱⁱ⁾	235.221.618.600	-	438.157.917.000	444.307.501.800	(67.759.314.000)	376.548.187.800
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật ⁽ⁱⁱⁱ⁾	26.800.921.000	-	-	76.800.921.000	-	-
	16.126.813.000	-	-	16.126.813.000	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật ^(iv)	71.676.672.000	-	55.127.040.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	863.961.795.584	(47.192.438.524)	-	865.094.972.909	(47.192.438.524)	72.422.400.000
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ^(v)	47.192.438.524	(47.192.438.524)	-	47.192.438.524	(47.192.438.524)	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân ^(vi)	572.600.582.675	-	-	509.904.000.000	-	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina ^(vii)	71.321.827.562	-	-	67.321.827.562	-	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	-	-	-	67.829.760.000	-	72.422.400.000
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình ^(viii)	21.646.946.823	-	-	21.646.946.823	-	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ^(ix)	151.200.000.000	-	-	151.200.000.000	-	-
Cộng	1.213.787.820.184	(47.192.438.524)	493.284.957.000	1.402.330.208.709	(114.951.752.524)	448.970.587.800

- (i) Trong kỳ theo Nghị quyết Số 31/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty đã bán 4.555.248 cổ phiếu của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An với giá bán là 277.870.128.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 5.124.654 cổ phiếu, tương đương 27% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An.
- (ii) Trong kỳ Công ty Cổ phần Trích ly Dầu thực vật đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH trích ly Dầu thực vật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 02 năm 2016. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đã chấp thuận thông qua việc điều chỉnh giảm vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật từ 71.600.000.000 VND xuống còn 21.600.000.000 VND theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 2 năm 2016. Hiện nay Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 28 ngày 01 tháng 2016. Hiện nay Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật 16.126.813.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (iv) Trong kỳ Tổng Công ty đã mua thêm 192.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật với giá mua là 3.846.912.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 3.724.800 cổ phiếu, tương đương 46,56% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần bao Bì Dầu thực vật (số đầu năm là 3.532.800 cổ phiếu, tương đương 44,16% vốn điều lệ).
- (v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000336 ngày 18 tháng 8 năm 2010 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Dầu ăn Golden Hope 2.792.044,6 USD tương đương 49% vốn điều lệ.
- (vi) Trong kỳ theo Nghị quyết Số 28/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 và Nghị quyết Số 30/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty thống nhất bổ sung góp vốn vào Công ty TNHH

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Dầu thực vật Cái Lân lần lượt là 44.308.984.000 VND và 18.387.598.675 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 24% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân.

- (vii) Trong kỳ theo Nghị quyết Số 29/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 6 năm 2016 Tổng Công ty thống nhất bổ sung góp vốn vào Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty TNHH Mỹ phẩm LG – Vina.
- (viii) Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình 1.593.295 cổ phiếu, tương đương 17,84% vốn điều lệ.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 262022000147 ngày 10 tháng 6 năm 2013 do Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam 30% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	114.951.752.524	
Hoàn nhập dự phòng	(67.759.314.000)	-
Số cuối kỳ	47.192.438.524	-

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An		
Doanh thu bán hàng	1.764.019.081.693	1.606.946.279.950
Cổ tức được chia	11.615.880.000	22.263.770.000
Thoái vốn	209.085.883.200	-
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình		
Doanh thu bán hàng	441.773.166.252	477.135.864.703
Lợi nhuận được chia	1.274.636.000	1.114.938.449
Mua hàng	1.212.020.612	2.213.444.200
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật		
Cổ tức được chia	-	2.927.400.000
Thoái vốn	50.000.000.000	-
Mượn công cụ, dụng cụ	217.442.687	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật		
Cổ tức được chia	-	612.000.000
Mượn công cụ, dụng cụ	139.845.785	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè		
Doanh thu bán hàng	43.458.849.258	-
Doanh thu dịch vụ	4.393.755.363	3.736.215.360
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân		
Doanh thu dịch vụ	6.473.820.320	41.655.344.500
Mua hàng	1.040.366.800	-
Lợi nhuận được chia	56.277.877.797	32.061.482.458
Góp vốn đầu tư	62.696.582.675	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật		
Doanh thu bán hàng	51.741.200	-
Mua hàng	3.137.152.425	4.464.144.578
Cổ tức được chia	3.532.800.000	7.065.600.000
Góp vốn đầu tư	3.846.912.000	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-Vina		
Lợi nhuận được chia	13.672.191.179	4.800.000.000
Góp vốn đầu tư	4.000.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	175.323.531.996	322.654.375.525
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	103.307.728.645	282.838.056.468
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	45.565.977.886	25.320.922.384
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	12.490.372.576	11.627.814.504
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	12.464.800.389	190.475.297
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	1.494.652.500	2.677.106.872
Phải thu các khách hàng khác		
Mitsui and Co., Ltd	13.263.798.564	14.844.702.506
Các khách hàng khác	-	3.815.063.200
Cộng	188.587.330.560	337.499.078.031
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Kỹ thuật công nghệ DKSH	3.625.101.000	1.279.447.000
Công ty TNHH máy chiết rót và đóng gói Hòa Phát	-	343.500.000
Công ty TNHH dịch vụ quảng cáo ngoài trời Thái Bình Dương	478.375.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Saigon HAPPY	474.900.000	-
Baid Agro Products (PVT) Ltd.,	3.534.664.985	-
Amcors Flexibles China Co. Limited	-	381.495.240
Các nhà cung cấp khác	726.268.795	216.194.698
Cộng	8.839.309.780	2.475.636.938

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	156.681.248.116	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân – Phải thu lợi nhuận được chia	-	-	156.681.248.116	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.307.991.941	(1.390.000.000)	7.962.785.274	(1.390.000.000)
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức	1.390.000.000	(1.390.000.000)	1.390.000.000	(1.390.000.000)
Tạm ứng	1.768.286.400	-	185.782.246	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	-	4.096.091.682	-
Thuế tự vệ được hoàn	-	-	221.178.529	-
Phải thu bảo hiểm bồi thường	-	-	1.948.192.065	-
Ký quỹ	88.280.000	-	88.280.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	61.425.541	-	33.260.752	-
Cộng	3.307.991.941	(1.390.000.000)	164.644.033.390	(1.390.000.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê văn phòng: 135.000.000 VND và tiền cọc khuôn thổi chai 1L: 50.000.000 VND.

6. Nợ quá hạn thanh toán

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	Trên 3 năm	4.252.232.000	-	Trên 3 năm	4.252.232.000	-
<i>Phải thu tiền khác</i>	Trên 3 năm	1.390.000.000	-	Trên 3 năm	1.390.000.000	-
Cộng		5.642.232.000	-		5.642.232.000	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	38.668.485.432	-
Nguyên liệu, vật liệu	63.797.208.597	-	82.326.336.213	-
Công cụ, dụng cụ	3.229.827.732	-	2.831.934.140	-
Thành phẩm	67.105.866.805	-	79.464.087.823	-
Hàng hóa	59.069.355.655	-	57.246.357.700	-
Chi phí sản xuất dở dang	1.408.284.507	-	-	-
Cộng	194.610.543.296	-	260.537.201.308	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	704.843.118	615.039.181
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.853.327.722	28.896.000
Cộng	4.558.170.840	643.935.181

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	21.103.074.655	23.021.535.985
Chi phí nạo vét, duy tu Cảng	2.809.594.601	881.671.506
Công cụ, dụng cụ	385.692.215	208.990.991
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.658.092.340	2.033.238.083
Cộng	26.956.453.811	26.145.436.565

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	183.738.360.924	218.285.476.212	4.402.652.248	3.685.043.714	410.111.533.098
Tăng trong kỳ	-	3.677.485.455	-	124.751.798	3.931.873.617
Giảm trong kỳ	205.822.907	493.664.000	-	110.105.000	809.591.907
Số cuối kỳ	183.662.174.381	221.469.297.667	4.402.652.248	3.699.690.512	413.233.814.808
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	582.199.887	4.077.546.092	5.135.637.000	379.511.314	10.177.869.212
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	64.561.370.524	113.630.715.472	4.122.544.621	2.418.258.070	184.732.888.687
Khấu hao trong kỳ	5.825.595.982	13.089.660.538	244.177.614	304.860.870	19.464.295.004
Thanh lý	136.468.063	483.024.768	-	108.391.469	727.884.300
Số cuối kỳ	68.436.467.647	122.314.448.210	4.358.668.954	2.619.527.959	203.469.299.391

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	119.176.990.400	104.654.760.740	280.107.627	1.266.785.644	225.378.644.411
Số cuối kỳ	113.411.675.938	95.231.946.425	35.930.013	1.084.963.041	209.764.515.417
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
Số cuối kỳ	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.115.337.252	1.806.829.500	2.922.166.752
Khấu hao trong kỳ	81.954.876	193.588.875	275.543.751
Số cuối kỳ	1.197.292.128	2.000.418.375	3.197.710.503
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.479.797.988	258.118.500	1.737.916.488
Số cuối kỳ	1.397.843.112	64.529.625	1.462.372.737
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư**11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.178.001.042
Số cuối kỳ	2.178.001.042
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.916.640.920
Khấu hao trong kỳ	111.622.551

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số cuối kỳ	Nhà
	2.028.263.471
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	261.360.122
Số cuối kỳ	149.737.571
12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 250.018.128.833 VND.	
(i) Chi tiết lỗ tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:	
Năm 2011	6.205.798.777
Năm 2012	87.000.610.565
Năm 2013	43.329.712.772
Năm 2015	113.482.006.719
Cộng	250.018.128.833

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	424.421.800	435.687.423
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	424.421.800	427.465.060
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	-	8.222.363
Phải trả các nhà cung cấp khác	94.299.147.935	209.682.880.179
Wilmar Trading Pte Ltd	47.514.218.163	29.724.386.487
Denali Trading Pte Ltd	40.872.588.215	134.154.893.239
Delima Oil products SDN BHD	-	37.631.898.494
Các nhà cung cấp khác	5.912.341.557	8.171.701.959
Cộng	94.723.569.735	210.118.567.602

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
KOREA KUMDANG TRADING CO	2.077.867.240	-
Korea Credit and Investment company	1.039.355.933	-
Korea Zo-Ming General Corporation	-	1.284.209.479
Công ty TNHH Dầu thực vật Vạn Phát Long An	1.134.814.000	-
Các khách hàng khác	10.175.535.200	2.365.322.692
Cộng	14.427.572.373	3.649.532.171

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Hoàn thuế	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.283.011.927	(3.283.011.927)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	221.335.153.227	(221.335.153.227)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	9.508.017.799	(9.508.017.799)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	15.290.710.023	-	-	-	-	15.290.710.023
Thuế thu nhập cá nhân	664.106.671	-	2.039.236.581	(2.495.258.323)	-	208.084.929	-
Tiền thuế đất	312.428.204	-	774.142.200	(683.930.606)	-	402.639.798	-
Thuế tự vệ	-	-	44.853.684.729	(45.730.672.828)	-	-	876.988.099
Các loại thuế khác	-	-	24.309.287	(24.309.287)	-	-	-
Cộng	976.534.875	15.290.710.023	281.817.555.750	(283.060.353.997)		610.724.727	16.167.698.122

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	224.414.589.025	78.857.680.542
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	224.414.589.025	78.857.680.542
Thu nhập được miễn thuế	(86.373.384.976)	(64.069.260.907)
Lỗ các năm trước được chuyển	(138.041.204.049)	-
Thu nhập tính thuế	-	(14.788.419.635)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.332,7 m² đất đang sử dụng tại Đường Đào Tri, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức 30.240 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 2399/HĐ-GTĐ ngày 23 tháng 6 năm 2004.

Tổng Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 519,6 m² đất đang sử dụng tại 21-23 Nguyễn Văn Cúa, phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với mức 168.400 VND/m²/năm theo Hợp đồng thuê đất số 5924/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 5 tháng 10 năm 2012.

Thuế tự vệ

Theo Quyết định 8287/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 10 tháng 8 năm 2015 áp dụng mức thuế tự vệ như sau:

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 07 tháng 5 năm 2016	3%
- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	2%

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 18/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2016.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	1.467.330.956	2.542.528.719
Chi phí Marketing	1.350.498.967	-
Chi phí lò hơi	590.653.080	763.247.340
Chi phí thuê kho	141.110.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	-	593.220.934
Chi phí trưng bày sản phẩm	-	271.612.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	806.000.000	763.431.824
Cộng	4.355.593.003	4.934.040.817

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>1.931.673.916</i>	<i>1.574.385.444</i>
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật - Khoản thuế được hoàn phải trả	1.574.385.444	1.574.385.444
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật - Khoản phải trả khác	217.442.687	-
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật - Khoản phải trả khác	139.845.785	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>61.208.982.178</i>	<i>272.180.976.093</i>
Phải trả cổ phần hóa	4.030.160.592	262.764.887.645
Lãi trả chậm	47.479.257.700	-
Kinh phí công đoàn	373.961.931	199.146.791
Nhận ký quỹ ngắn hạn	72.738.000	181.845.000
Tiền bảo hành công trình	281.637.328	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.971.226.627	9.035.096.657
Cộng	<u>63.140.656.094</u>	<u>273.755.361.537</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ về cho thuê nhà.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	124.872.594.131	-
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	150.867.671.122	188.952.911.739
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	202.225.609.887	386.111.166.457
Ngân hàng TMCP An Bình – Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	-	36.195.245.236
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	486.018.377	971.815.694
Cộng	<u>478.451.893.517</u>	<u>612.231.139.126</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu và bảo lãnh phát hành thư tín dụng với lãi suất trong kỳ là 4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động với lãi suất trong kỳ là 5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 – TP. Hồ Chí Minh theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh phục vụ phương án sản xuất kinh doanh với lãi suất trong kỳ là 4,5%, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	611.259.323.432	1.702.032.696.665	(1.835.326.144.957)	477.965.875.140
Vay dài hạn đến hạn trả	971.815.694	-	(485.797.317)	486.018.377
Cộng	612.231.139.126	1.702.032.696.665	(1.835.811.942.274)	478.451.893.517

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản phải trả Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 liên quan đến Hợp đồng thuê đất xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II ngày 12 tháng 5 năm 1998 để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA, phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 22 tháng 11 năm 2011 và phụ lục hợp đồng thuê lại đất ngày 15 tháng 9 năm 2015, diện tích thuê đã điều chỉnh là 29.668 m² trong thời hạn 30 năm. Khoản vay phải trả lãi suất 0%.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	486.018.377	971.815.694
Trên 1 năm đến 5 năm	3.887.262.776	3.887.262.776
Trên 5 năm	9.100.494.889	9.586.292.206
Cộng	13.473.554.982	14.445.370.676

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.078.705.001	1.530.000.000	(1.205.850.000)	3.402.855.001
Quỹ phúc lợi	4.732.608.362	1.020.000.000	(2.054.143.622)	3.698.464.740
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	140.986.324	-	-	140.986.324
Cộng	7.952.299.687	2.550.000.000	(3.259.993.622)	7.242.306.065

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	1.218.000.000.000	-	-	1.218.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	56.093.601.892	56.093.601.892
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	(4.102.530.000)	(4.102.530.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.218.000.000.000		51.991.071.892	1.269.991.071.892

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.218.000.000.000	-	-	1.218.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	56.093.601.892	56.093.601.892
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	(4.102.530.000)	(4.102.530.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.218.000.000.000		51.991.071.892	1.269.991.071.892
Số dư đầu năm nay	1.218.000.000.000	-	51.003.347.587	1.269.003.347.587
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	224.414.589.025	224.414.589.025
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	5.100.000.000	(7.650.000.000)	(2.550.000.000)
Số dư cuối kỳ này	1.218.000.000.000	5.100.000.000	267.767.936.612	1.490.867.936.612

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn Nhà nước	442.119.000.000	442.119.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	292.320.000.000	292.320.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	97.440.000.000	97.440.000.000
Cổ đông khác	386.121.000.000	386.121.000.000
Cộng	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.800.000	121.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau phân phối theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2016 như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.550.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	5.100.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	594.686.399	594.686.399
Trên 1 năm đến 5 năm	2.378.745.597	2.378.745.597
Trên 5 năm	16.030.373.984	16.326.902.544
Cộng	<u>19.003.805.980</u>	<u>19.300.334.541</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 519,6 m² đất tại số 21-23 đường Nguyễn Văn Cù, phường 13, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 168.400 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2012.
- Tổng số tiền thuê 124,044 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 3.305 VND/m²/năm cho 118.425 m² và 2.645 VND/m²/năm cho 5.619 m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 46,5 năm tính từ ngày 23 tháng 6 năm 2000.
- Tổng số tiền thuê 3.332,7 m² đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 30.240 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 43 năm tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2005.

22b. Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Quy cách	Số lượng	Quy cách	Số lượng
Dầu thành phẩm	Chai	-	Chai	142.358
Dầu nguyên liệu	Kg	-	Kg	1.184.709
Bao bì (màng, nhãn, nắp)	Bộ	27.691		
	Cái	3.737.923		
	KG	913		

22c. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1,016,346.92 USD (số đầu năm là 648,563.86 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	2.139.534.231.780	1.962.692.525.650
Doanh thu bán thành phẩm	504.036.587.196	450.222.700.983
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.068.620.919	51.802.527.332
Cộng	<u>2.662.639.439.895</u>	<u>2.464.717.753.965</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	120.591.876.955	96.013.272.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.804.793.118	9.032.381.627

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	134.687.884	1.681.366.832
Hàng bán bị trả lại	265.400.193	22.496.000
Cộng	400.088.077	1.703.862.832

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.084.097.820.447	1.908.190.606.004
Giá vốn của thành phẩm đã bán	420.315.723.118	450.353.443.704
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	8.741.861.205	7.702.151.107
Cộng	2.513.155.404.770	2.366.246.200.815

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.927.397.791	796.073.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	86.373.384.976	85.925.190.907
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.217.268.179	1.742.390.621
Thu nhập từ chuyển nhượng 24% TAC	68.784.244.800	-
Cộng	164.302.295.746	88.463.654.798

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.829.543.399	18.973.837.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	666.389.210	14.226.985.855
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư TAC	(67.759.314.000)	-
Dự phòng lãi nộp về cổ phần hóa	47.479.257.700	-
Phí bán chứng khoán TAC	416.805.192	-
Cộng	632.681.501	33.200.823.352

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.752.452.410	4.172.566.472
Chi phí vật liệu bao bì	12.169.083	22.526.241
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.540.361	22.301.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.730.301.125	13.430.037.205
<i>Chi phí phục vụ xuất khẩu</i>	<i>2.287.175.676</i>	<i>2.897.503.342</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>7.472.906.826</i>	<i>8.871.760.341</i>
<i>Khác</i>	<i>1.970.218.623</i>	<i>1.660.773.522</i>
Chi phí khác bằng tiền	16.618.018.567	9.030.910.376
<i>Chi hỗ trợ bán hàng</i>	<i>7.493.130.820</i>	<i>6.821.733.056</i>
<i>Chi quảng cáo, marketing</i>	<i>6.119.352.646</i>	<i>1.226.861.578</i>
<i>Khác</i>	<i>3.005.535.101</i>	<i>982.315.742</i>
Cộng	38.136.481.546	26.678.341.691

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.452.598.632	20.633.884.854
Chi phí vật liệu quản lý	74.823.609	55.428.854
Chi phí đồ dùng văn phòng	899.271.733	493.891.671
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.232.362.923	7.744.392.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.043.267.540	5.151.139.601
Các chi phí khác	12.068.397.401	14.427.856.084
Cộng	50.770.721.838	48.506.593.704

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do bán phế liệu, phế phẩm	250.943.639	127.641.820
Thu bảo hiểm bồi thường	54.742.459	1.935.373.862
Hàng thừa sau kiểm kê	656.248.644	-
Thuế tự vệ được hoàn	-	553.834.956
Các khoản thu nhập khác	25.571.253	143.373.080
Cộng	987.505.995	2.760.223.718

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán phế liệu, phế phẩm	316.156.171	536.580.002
Các khoản chi phí khác	103.118.708	211.549.543
Cộng	419.274.879	748.129.545

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	639.486.150.616	746.413.782.969
Chi phí nhân công	42.866.159.664	39.844.088.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.793.294.398	11.657.264.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.213.596.655	21.244.216.037
Chi phí khác	31.027.147.618	26.133.757.389
Cộng	746.386.348.951	845.293.109.342

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Tổng Công ty đã tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân bằng khoản lợi nhuận được chia với số tiền là 62.696.582.675 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 6.231.386.000 VND (cùng kỳ năm trước là 5.483.436.000 VND).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Công ty con
Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	Công ty con
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật khu vực Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	Tổng công ty là Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty không phát sinh các giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.13 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là mua bán nguyên liệu chế biến dầu thực vật và sản xuất dầu thực vật, các hoạt động khác như gia công, dịch vụ cho thuê kho cảng, cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng nội địa, doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể nên Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tổng Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 55% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 84%) và Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 24% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 8%). Các khách hàng này là bên liên quan của Tổng Công ty nên rủi ro tín dụng rất thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.205.736.549	-	195.205.736.549
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	151.189.167.974	-	151.189.167.974
Phải thu khách hàng	184.335.098.560	4.252.232.000	188.587.330.560
Các khoản phải thu khác	1.917.991.941	1.390.000.000	3.307.991.941
Cộng	532.647.995.024	5.642.232.000	538.290.227.024
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.329.190.049	-	85.329.190.049
Phải thu khách hàng	333.246.846.031	4.252.232.000	337.499.078.031
Các khoản phải thu khác	163.389.033.390	1.390.000.000	164.779.033.390
Cộng	581.965.069.470	5.642.232.000	587.607.301.470

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính khi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	94.723.569.735	-	-	94.723.569.735
Vay và nợ	478.451.893.517	3.887.262.776	9.100.494.889	491.925.448.499
Các khoản phải trả khác	67.496.249.097	-	-	67.496.249.097
Cộng	640.671.712.349	3.887.262.776	9.100.494.889	654.145.267.331
Số đầu năm				
Phải trả người bán	210.118.567.602	-	-	210.118.567.602
Vay và nợ	612.231.139.126	3.887.262.776	9.586.292.206	625.704.694.108
Các khoản phải trả khác	278.689.402.354	-	-	278.689.402.354
Cộng	1.101.039.109.082	3.887.262.776	9.586.292.206	1.114.512.664.064

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 30 tháng 9 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.016.346,92	648.663,86
Phải thu khách hàng	70.812	213.899,80
Phải trả người bán	(3.969.005,93)	(1.321.989,85)
Vay và nợ	-	(5.207.562,89)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(2.881.847,01)	(5.666.989,08)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.205.736.549	-	30.130.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	151.189.167.974	-	-	-
Vay và nợ	(477.965.875.140)	-	(508.339.055.493)	(4.566.116,59)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(131.570.970.617)	-	(478.209.055.493)	(4.566.116,59)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu Kỳ này của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 2.631.419.412 VND.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

QUÝ 3 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.205.736.549	-	85.329.190.049	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	151.189.167.974	-	-	-
Phải thu khách hàng	188.587.330.560	(4.252.232.000)	337.499.078.031	(4.252.232.000)
Các khoản phải thu khác	3.307.991.941	(1.390.000.000)	164.779.033.390	(1.390.000.000)
Cộng	538.290.227.024	(5.642.232.000)	587.607.301.470	(5.642.232.000)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	94.723.569.735	210.118.567.602
Vay và nợ	491.925.448.499	625.704.694.108
Các khoản phải trả khác	67.496.249.097	278.708.564.963
Cộng	654.145.267.331	1.114.531.826.673

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính 9 tháng 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Phương Minh
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc